

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 397/2025/DS-PT
Ngày: 31-7-2025
“V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thúy Lành

Ông Nguyễn Phước Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Tấn Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 625/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 156/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An (Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 737/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Huỳnh Hữu T, sinh năm 1993;

2. Bà Huỳnh N, sinh năm 1998;

Cùng địa chỉ: Số nhà I, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An nay là số nhà I, ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh.

3. Ông Huỳnh Nhật T1, sinh năm 1994; Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An nay là ấp A, xã A, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đức N1, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số nhà A, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An nay là Số nhà A, ấp B, xã T, tỉnh Tây Ninh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị Như H, sinh năm 1999; Địa chỉ: Số nhà F, ấp H, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An nay là số nhà F, ấp H, xã A, tỉnh Tây Ninh.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Huỳnh Nhật T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/11/2023 của nguyên đơn ông Huỳnh Hữu T, bà Huỳnh N và ông Huỳnh Nhật T1 và những lời trình bày của ông Trần Văn C là người đại diện theo ủy quyền như sau:

Ngày 01 tháng 11 năm 2022, ông T và bà N cho ông N1 vay 02 lượng vàng 9999, loại vàng nhẫn của tiệm V (T, Long An) để bổ sung vốn nuôi tôm, thời hạn vay là 01 tháng, không thỏa thuận lãi suất, hợp đồng vay không lập thành văn bản.

Ngày 15 tháng 11 năm 2022, ông T và bà N cho ông N1 vay số tiền là 100.000.000 đồng để bổ sung vốn nuôi tôm, thời hạn vay là 15 ngày, thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng, hợp đồng vay không lập thành văn bản, ông T và bà N chuyển khoản cho ông N1 từ số tài khoản 070063312477 (Ngân hàng S) của bà N sang số tài khoản 103876008226 (Ngân hàng V1) của ông N1.

Sau khi vay và cho đến nay, ông N1 không trả tiền vay và tiền lãi cho ông T và bà N theo thỏa thuận, ông N1 có trả tiền lãi cho ông T và bà N số tiền là 2.500.000 đồng.

Nay ông T và bà N yêu cầu ông N1 có nghĩa vụ trả cho ông T và bà N 02 lượng vàng 9999, loại vàng nhẫn của tiệm V (T, Long An) và số tiền vay là 100.000.000 đồng, tiền lãi đến ngày xét xử là 34.860.000 đồng ($100.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 21 \text{ tháng} = 34.860.000 \text{ đồng}$), yêu cầu trả một lần trong thời gian ngắn.

Các lần ông N1 chuyển khoản vào số tài khoản của bà N là do ông N1 cần tiền mặt, ông N1 chuyển khoản cho bà N để lấy tiền mặt.

Nguyên đơn ông Huỳnh Nhật T1, trình bày trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Ngày 23 tháng 03 năm 2022, ông T1 cho ông N1 vay số tiền là 180.000.000 đồng để bổ sung vốn nuôi tôm, thời hạn vay là đến cuối năm 2022, thỏa thuận lãi suất là 1,6%/tháng, hợp đồng vay không lập thành văn bản, ông T1 đã chuyển khoản cho ông N1 số tiền vay trên, chuyển làm 03 lần.

Ngày 01 tháng 11 năm 2022, ông T1 cho ông N1 vay số tiền là 150.000.000 đồng để bổ sung vốn nuôi tôm, thời hạn vay là 03 tháng, thỏa thuận lãi suất là 1,6%/tháng, hợp đồng vay không lập thành văn bản.

Sau khi vay và cho đến nay, ông N1 không trả tiền vay và tiền lãi cho ông T1 theo thỏa thuận.

Nay ông T1 yêu cầu ông N1 có nghĩa vụ trả cho ông T1 số tiền vay là 330.000.000 đồng, tiền lãi là 89.640.000 đồng, yêu cầu trả một lần trong thời gian ngắn. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông T1 yêu cầu tính lãi đến ngày 13 tháng 9 năm 2024, cụ thể như sau:

- Số tiền $180.000.000 \times 1,6\% \times 29 \text{ tháng} = 83.520.000 \text{ đồng}$.

- Số tiền $150.000.000 \times 1,6\% \times 22 \text{ tháng} = 52.800.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền lãi là 136.320.000 đồng.

Ngoài số tiền trên, ông N1 thường xuyên vay tiền của ông T1, nhờ ông T1 chuyển khoản cho người khác, sau đó ông N1 có chuyển khoản trả lại cho ông T1.

Bị đơn ông Nguyễn Đức N1 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Ông N1 có vay và còn nợ ông T và bà N 02 lượng vàng 9999, loại vàng nhẫn thường, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, quy thành tiền là 100.000.000 đồng, trả lãi mỗi tháng, thời hạn vay là 01 tháng, hợp đồng vay không lập thành văn bản. Ông N1 đã trả được 04 tháng tiền lãi, số tiền lãi đã trả khoảng 20.000.000 đồng. Ông N1 không có vay của ông T và bà N số tiền 100.000.000 đồng như ông T và bà N trình bày. Ông N1 đồng ý trả cho ông T và bà N 02 lượng vàng 9999, không đồng ý trả số tiền 100.000.000 đồng theo yêu cầu của ông T và bà N.

Ông T1 cho ông N1 vay số tiền là 180.000.000 đồng để bổ sung vốn nuôi tôm, thời hạn vay là đến cuối năm 2022, thỏa thuận lãi suất là 10%/tháng, hợp đồng vay không lập thành văn bản. Ông N1 đã trả tiền vay và tiền lãi cho ông T1 với số tiền 507.350.000 đồng. Ông N1 đã cung cấp đầy đủ chứng từ giao dịch của các lần chuyển khoản trả tiền vay và tiền lãi cho ông T1.

Ông N1 không có vay của ông T1 số tiền 150.000.000 đồng như ông T1 trình bày.

Ông N1 không đồng ý trả tiền, vì ông N1 đã trả xong tiền vay và tiền lãi cho ông T1, trả bằng hình thức chuyển khoản, ông N1 đã cung cấp sao kê các lần chuyển khoản.

Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An (Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh) đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 156/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông T và bà N. Buộc ông N1 có nghĩa vụ trả cho ông T và bà N số vàng là 02 lượng (20 chỉ) vàng 9999, loại vàng nhẫn của

tiệm V (T, Long An), số tiền vay còn nợ là 27.500.000 (hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng và tiền lãi là 9.586.500 (chín triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm) đồng. Các đương sự có thể thanh toán bằng tiền theo giá vàng tại thời điểm thanh toán.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của ông T và bà N về việc yêu cầu ông N1 trả tiền vay và tiền lãi là 97.773.500 (chín mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm) đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông T1 về việc yêu cầu ông N1 có nghĩa vụ trả cho ông T1 số tiền vay là 330.000.000 (ba trăm ba mươi triệu) đồng và tiền lãi là 136.320.000 (một trăm ba mươi sáu triệu ba trăm hai mươi nghìn) đồng.

3. Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” theo quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 15/2023/QĐ-BPKCTT ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An để đảm bảo việc thi hành án.

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với tổng số tiền là 4.000.000 (bốn triệu) đồng. Ông T và bà N tự nguyện chịu chi phí với số tiền là 2.000.000 (hai triệu) đồng, ông T1 tự nguyện chịu chi phí này với số tiền là 2.000.000 (hai triệu) đồng, đã nộp xong.

5. Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Không tính lãi đối với số vàng.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông T và bà N phải chịu là 4.888.600 (bốn triệu tám trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm) đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông T và bà N đã nộp là 5.995.000 (năm triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008503 ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An, hoàn trả cho ông T và bà N số tiền tạm ứng án phí còn lại là 1.106.400 (một triệu một trăm lẻ sáu nghìn bốn trăm) đồng.

Buộc ông T1 phải chịu án phí 22.652.800 (hai mươi hai triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn tám trăm) đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông T1 đã nộp là 10.491.000 (mười triệu bốn trăm chín mươi một nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008504 ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An. Buộc ông T1 phải nộp số tiền là 12.161.800 (mười hai triệu một trăm sáu mươi một nghìn tám trăm) đồng.

Buộc ông N1 phải chịu án phí là 9.624.300 (chín triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm) đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, nguyên đơn ông T1 kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm đòi yêu cầu ông N1 trả 330.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi 136.320.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn ông T1 có lời trình bày: Việc ông N1 chuyển khoản trả số tiền 213.000.000 đồng và chuyển khoản cho ông T1 nhiều lần, tổng là 542.000.000 đồng là nhờ ông T1 trả cho người khác vì ông N1 đã giao dịch và vay số tiền ông T1 rất nhiều lần. Biên nhận nợ 180.000.000 đồng ngày 26/3/2022 và đoạn ghi âm ngày 22/11/2023 thể hiện nợ 330.000.000 đồng. Tổng số tiền ông N1 vay nhiều lần hơn số tiền đã trả nên yêu cầu ông N1 trả số tiền còn nợ là 330.000.000 đồng và tiền lãi 136.320.000 đồng.

Bị đơn ông N1 xin xét xử vắng mặt có biên bản làm việc có nội dung trình bày: Đối với các chứng từ và lời trình bày của ông T1 về việc chuyển tiền ngày 01/7/2022, 29/10/2022, 14/02/2023, 25/4/2023 xác định là trả tiền gốc và lãi cho ông T1 đến ngày 26/7/2023 tổng cộng số tiền 507.350.000 đồng là đã bao gồm các khoản tiền mà ông N1 đã mượn của ông T1 trước ngày 26/7/2023. Các chứng từ ông T1 cung cấp là nằm trong các giao dịch giữa ông T1 và ông N1 nên không còn nợ tiền ông T1.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn ông T1 kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Ông T1 kháng cáo không đồng ý án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông. Ông T1 yêu cầu ông N1 trả số tiền vay 466.000.000 đồng, ông N1 thừa nhận vay 180.000.000 đồng, ông T1 cung cấp đoạn ghi âm thể hiện chứng minh có nợ số tiền 330.000.000 đồng và tiền lãi 20%/năm = 466.000.000 đồng. Ông N1 cung cấp chứng cứ chứng minh đã chuyển khoản cho ông T1 nhiều lần tổng số tiền 507.350.000 đồng, ông T1 cho rằng chuyển khoản trả cho khoản nợ khác, tuy nhiên không có căn cứ chứng minh nên yêu cầu kháng cáo của ông T1 không có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 156/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Tây Ninh).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông T1 kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo của nguyên đơn ông T1 về một phần Bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo thấy rằng: Ông T1 yêu cầu ông N1 có nghĩa vụ trả cho ông T1 số tiền vay là 330.000.000 đồng, tiền lãi là 136.320.000 đồng ($180.000.000 \times 1,6\% \times 29 \text{ tháng} = 83.520.000 \text{ đồng}$ và $150.000.000 \times 1,6\% \times 22 \text{ tháng} = 52.800.000 \text{ đồng}$). Ông N1 thừa nhận có vay của ông T1 số tiền là 180.000.000 đồng để bổ sung vốn nuôi tôm, thời hạn vay là đến cuối năm 2022, thỏa thuận lãi suất là 10%/tháng, hợp đồng vay không lập thành văn bản. Ông T1 cung cấp được đoạn ghi âm và hình ảnh chụp tin nhắn mà ông T1 yêu cầu ông N1 trả tiền, ông N1 không phản đối với việc ông T1 đòi ông N1 số tiền là 150.000.000 đồng, ông N1 có hứa sẽ trả. Do đó, có đủ cơ sở để xác định là ông N1 có vay của ông T1 tổng số tiền là 330.000.000 đồng. Ông N1 có cung cấp chứng từ giao dịch (sao kê các lần chuyển khoản cho ông T1), chứng từ giao dịch trên thẻ hiện được từ ngày 07 tháng 9 năm 2021, ông N1 nhiều lần chuyển khoản cho ông T1 với tổng số tiền là 213.000.000 đồng, trong đó đã có số tiền 180.000.000 đồng mà ông T1 cho ông N1 vay. Tổng số tiền ông N1 đã chuyển khoản cho ông T1 là 507.350.000 đồng, ông N1 đã trả tiền nhiều hơn tiền vay và tiền lãi mà ông T1 yêu cầu.

[3.1] Ông T1 trình bày là ông N1 có nhiều lần chuyển khoản cho ông T1 trong các giao dịch khác, ông T1 cung cấp sao kê để chứng minh các giao dịch giữa 02 bên, ông N1 nợ nhiều hơn số tiền ông T1 yêu cầu. Tuy nhiên, các khoản giao dịch giữa các bên có trước thời điểm hai bên chốt nợ và ông N1 đã chứng minh số tiền chuyển khoản trả nhiều hơn cầu khởi kiện của ông T1. Nên yêu cầu kháng cáo của ông T1 là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ nhận định mục [3], không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 156/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An (Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh). Lời đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh có căn cứ được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông T1 phải chịu.

[6] Các phần khác của Bản án không kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Nhật T1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 156/2024/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An (Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Nhật T1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009105 ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

3. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 5 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Tuyền